

XUẤT KHẨU LAO ĐỘNG HƯỚNG TỚI ĐẢM BẢO AN SINH XÃ HỘI CỦA VIỆT NAM: HIỆN TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP

TS. Bùi Văn Huyền

Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh

Tình trạng lừa đảo trong xuất khẩu lao động, sự kiện Hàn Quốc ngừng tiếp nhận lao động Việt Nam, việc lao động Việt Nam bỏ trốn và định cư bất hợp pháp ở một số quốc gia, hiện trạng lao động xuất khẩu có tay nghề thấp, trình độ văn hóa, chuyên môn hạn chế... đang là những vấn đề hết sức nghiêm trọng, ảnh hưởng không chỉ tới hiệu quả và tính bền vững của hoạt động xuất khẩu lao động, tới cơ hội việc làm, thu nhập của người lao động mà còn tác động tiêu cực tới hình ảnh Việt Nam trong quan hệ kinh tế quốc tế.

Xuất khẩu lao động không chỉ trực tiếp tạo việc làm, tăng thu nhập cho bản thân người lao động mà còn hướng tới "mục tiêu kép": Đảm bảo an sinh xã hội và thúc đẩy tăng trưởng kinh tế. Hoạt động xuất khẩu lao động của Việt Nam trong thời gian qua đã có những đóng góp không nhỏ nhằm thực hiện thành công hai mục tiêu trên, đồng thời cũng đặt ra nhiều vấn đề cần tiếp tục làm sáng tỏ, hướng tới đảm bảo quyền lợi cho chính

người lao động, cho doanh nghiệp và đất nước, tăng cường quan hệ hợp tác giữa Việt Nam và các nước trên thế giới.

1. Hiện trạng lao động xuất khẩu của Việt Nam

- Số lượng

Tính chung giai đoạn 2000-2011, bình quân mỗi năm Việt Nam đã đưa được khoảng trên 60.000 lao động đi làm việc ở nước ngoài. Trong 5 năm trở lại đây (2006-2011), bình quân mỗi năm Việt Nam đưa được gần 80.000 lao động, chiếm hơn 5% tổng số lao động trong nền kinh tế được giải quyết việc làm hàng năm.

Trong giai đoạn 1999-2010, Việt Nam đã đưa 818.422 lao động đi làm việc ở nước ngoài theo 4 hình thức chính: Hợp đồng cung ứng lao động của doanh nghiệp xuất khẩu lao động; Hợp đồng nhận thầu, đầu tư ra nước ngoài; Hợp đồng thực tập nâng cao tay nghề; Hợp đồng cá nhân.

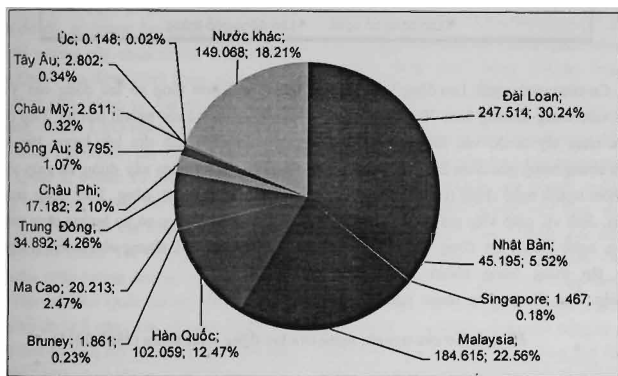
Trong giai đoạn này, số lao động làm việc ở Đài Loan chiếm tỉ lệ lớn nhất, đạt

247.514 người, bằng gần 1/3 tổng số lao động Việt Nam làm việc ở nước ngoài (chiếm 30,24%). Tiếp đến là Malaysia với 184.615 người, chiếm 22,56% tổng số lao động làm việc ở nước ngoài. Thị trường Hàn Quốc đứng thứ 3 với 102.059 người, chiếm

12,47% tổng số. Châu Âu (cả Đông Âu và Tây Âu) chiếm 1,41% với khoảng hơn 10 ngàn người, châu Mỹ có 2.611 người và châu Phi đạt 17.182 người. Thị trường Australia mới chỉ có 148 người trong giai đoạn hơn 10 năm.

Hình 1: Số lượng lao động đi làm việc ở một số quốc gia, vùng lãnh thổ giai đoạn 1999-2010

Đơn vị: Người



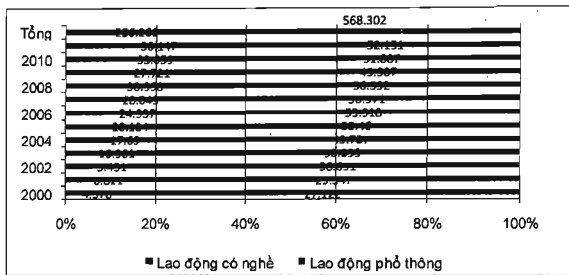
Nguồn: Cục Quản lý lao động Ngoài nước, Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội

- Trình độ nghề nghiệp và cơ cấu ngành nghề của lao động xuất khẩu

Tỉ trọng lao động có nghề trên tổng số lao động xuất khẩu giai đoạn 2000-2011 có sự thay đổi rõ rệt theo hướng lao động phổ thông giảm nhanh về tỉ lệ. Nếu như năm 2000, lao động có nghề là 4.378 người trên tổng số 31.500 lao động xuất khẩu, chiếm 13,9% thì trong những năm

gần đây, số lượng và tỉ trọng lao động có nghề đã tăng lên đáng kể. Năm 2006, đạt 31,62%, năm 2007 đạt 32,99%, năm 2008 là 34,94%, năm 2009 là 37,96%, năm 2010 đạt 39,35 % và tăng lên 40,94% năm 2011. Tính chung cả giai đoạn 2000-2011, lao động xuất khẩu có nghề là 256.266 người trên tổng số 824.568 người, chiếm 31%.

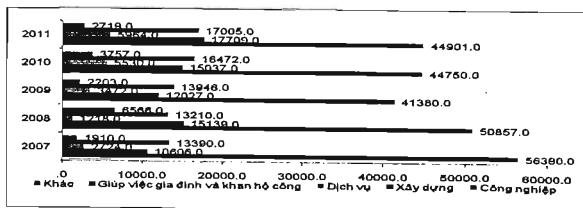
Hình 2: Lao động có nghề và lao động phổ thông xuất khẩu (2000-2011) (người)



Cơ cấu ngành nghề: Lao động Việt Nam làm việc trong khoảng hơn 30 ngành nghề khác nhau tùy thuộc vào từng thị trường. Tính chung trong giai đoạn 2007-2011, trong 5 nhóm ngành nghề chính (công nghiệp, xây dựng, dịch vụ, giúp việc gia đình - khách hộ công, nghề khác), lao động Việt Nam chủ yếu tập trung trong nhóm ngành công nghiệp. Lao động trong nhóm ngành công

nghiệp lớn hơn tổng số lao động của Việt Nam trong tất cả các ngành còn lại. Tiếp đến là hai nhóm ngành thu hút lượng lớn lao động Việt Nam gồm xây dựng và giúp việc gia đình - khách hộ công. Lao động trong nhóm ngành dịch vụ có xu hướng tăng trong năm 2010 và 2011 nhưng còn chiếm tỉ trọng nhỏ.

Hình 3. Cơ cấu ngành, nghề của lao động xuất khẩu (2007-2011)



Nguồn: Cục Quản lý lao động Ngoài nước, Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội.

Như vậy, lao động Việt Nam chủ yếu tập trung vào những ngành nghề đòi hỏi sức lực, thời gian với tính chất công việc nặng

nhọc, vất vả và độc hại, lại có mức thu nhập thấp hơn những ngành khác. Những ngành đòi hỏi trình độ, kỹ năng nghề

ng nghiệp, ngoại ngữ... thì lao động Việt Nam rất khó tiếp cận.

- Thu nhập của người lao động xuất khẩu

Tùy thuộc vào ngành nghề, địa bàn làm việc, thị trường tiếp nhận lao động, tính chất công việc, kỹ năng nghề nghiệp mà thu nhập của người lao động được xác định cụ thể. Thị trường Tây Âu, Australia, châu Mỹ và Singapore có mức thu nhập cao nhất¹ nhưng đòi hỏi nhiều kỹ năng nghề và trình độ ngoại ngữ, do đó, số lượng lao động Việt Nam ở các thị trường này chưa nhiều. Ở thị trường Hàn Quốc, lao động Việt Nam phần lớn là lao động phổ thông, có thu nhập bình quân khoảng 1.300 USD/người/tháng. Thời hạn hợp đồng của người lao động ở thị trường Hàn Quốc là 4 năm 10 tháng, mức tích lũy trung bình của người lao động tại đây sau thời gian làm việc đạt khoảng 50.000 USD đến 75.000 USD. Thị trường Nhật Bản có mức thu nhập tương đương với lao động đi làm việc tại Hàn Quốc nhưng thời hạn hợp đồng tối đa là 3 năm, khi về nước người lao động thường tích lũy được 20.000 USD đến 30.000 USD. Lao động ở thị trường Đài Loan với thời hạn hợp đồng 3 năm, thu nhập trung bình 700 USD/tháng, mức tích lũy khoảng 12.000 USD đến 17.000 USD. Các thị trường còn lại có mức thu nhập tương đương nhau, bình quân khoảng từ 270 USD đến 400 USD nhưng là thị trường dễ tính,

không yêu cầu cao về kỹ năng, tay nghề, ngoại ngữ².

2. Các doanh nghiệp xuất khẩu lao động

- Về số lượng các doanh nghiệp tham gia xuất khẩu lao động

Tính đến hết năm 2011, cả nước có 167 doanh nghiệp tham gia xuất khẩu lao động, tăng 40 doanh nghiệp so với 10 năm trước đó (2001). Trong giai đoạn trước năm 2001, chỉ một số doanh nghiệp có giấy phép hoạt động chuyên doanh hoặc không có giấy phép hoạt động chuyên doanh nhưng có hợp đồng nhận thầu, khoán xây dựng công trình, hợp đồng liên doanh, liên kết chia sản phẩm ở nước ngoài, hợp đồng cung ứng lao động phù hợp với ngành nghề sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp hoặc đầu tư ra nước ngoài³ mới được thực hiện xuất khẩu lao động. Trong giai đoạn tiếp theo, đối tượng doanh nghiệp thực hiện hoạt động này được mở rộng thêm, bao gồm các doanh nghiệp thuộc các tổ chức chính trị - xã hội, đoàn thể, công ty cổ phần do Nhà nước chi phối... Sau một thời gian hoạt động, cùng với xu thế xã hội hóa và tạo môi trường công bằng cho các thành phần kinh tế, các hạn chế về phạm vi cấp phép đã được dỡ bỏ, tất cả các doanh nghiệp 100% vốn trong nước có đủ điều kiện năng lực đều có thể được cấp phép hoạt động⁴.

¹ Thị trường Việt Nam có thu nhập bình quân tới 3.800 USD/tháng ở thị trường Australia; 2.600 USD ở thị trường châu Mỹ; 1.300 USD ở thị trường Nhật Bản và Hàn Quốc, nhưng chỉ đạt 270 USD ở thị trường Malaysia, 350 USD ở thị trường Trung Đông và 400 USD ở thị trường châu Phi. Nguồn: Cục Quản lý lao động Ngoại nước, Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội.

² Số liệu thống kê - Cục Quản lý lao động Ngoại nước, Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội.

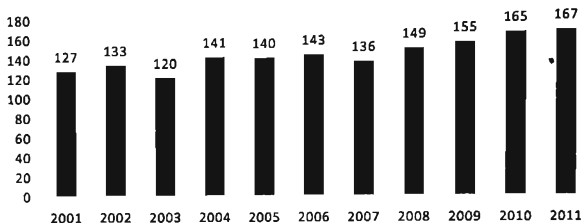
³ Chính phủ (1999), Nghị định số 152/1999/ND-CP ngày 20 tháng 9 năm 1999 quy định việc người lao động và chuyên gia Việt Nam đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài, ngày 20/9/1999.

⁴ Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam (2006), Luật người Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng số 72/2006/QH11.

Hiện tại, 167 doanh nghiệp tham gia xuất khẩu lao động tồn tại dưới 3 loại hình:

doanh nghiệp nhà nước, công ty cổ phần và doanh nghiệp tư nhân.

Hình 4. Số lượng doanh nghiệp xuất khẩu lao động giai đoạn 2001-2011



Nguồn: Cục Quản lý lao động Ngoài nước, Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội

- Hoạt động xuất khẩu lao động của doanh nghiệp

Với số lượng lên tới 167 doanh nghiệp tham gia xuất khẩu lao động, hoạt động của các doanh nghiệp này đã thực hiện nhiều biện pháp nhằm củng cố thị trường hiện có, mở rộng thị trường mới, thực hiện các khâu trong quy trình đưa lao động đi làm việc, trang bị kỹ năng cho người lao động... Tính đến đầu tháng 11/2012, các doanh nghiệp đã đưa được 65.183 lao động đi làm việc ở nước ngoài, trong đó thị trường: Đài Loan có 24.553 lao động, Hàn Quốc - 8.989, Nhật Bản - 7.006, Lào - 5.092, Malaysia - 6.675, Campuchia - 4.278, Macao - 1.783, Cộng hòa Síp - 1.255, Ảrập Xêút - 1.829, UAE - 1.380, Kuwait - 425, Libya - 306, Liên bang

Nga - 290, Môđambích - 213, Peru - 173, Israel - 157, Ôman - 154, Bồ Đào Nha - 145 và các thị trường khác là 480 lao động⁵.

Theo số liệu thống kê năm 2011 của Cục Quản lý lao động Ngoài nước, có 27 doanh nghiệp xuất khẩu trên 1.000 lao động, 25 doanh nghiệp xuất khẩu từ 500 đến 1.000 lao động, 35 doanh nghiệp xuất khẩu từ 200 đến dưới 500 lao động, 21 doanh nghiệp xuất khẩu từ 100 đến dưới 200 lao động và 59 doanh nghiệp xuất khẩu dưới 100 lao động. Như vậy, có thể thấy, chỉ có 31% doanh nghiệp hoạt động có hiệu quả, 33,5% doanh

⁵ Cục Quản lý lao động Ngoài nước, Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội, *Tình hình lao động ngoài nước*. <http://www.vietnamplus.vn/Home/Hon-65-nghien-lao-dong-ra-nuoc-ngoai-trong-10-thang/201211/167238.vnplus>

ng nghiệp hoạt động trung bình và 35,5% doanh nghiệp còn lại hoạt động chưa có hiệu quả, do mới được cấp phép hoặc trong giai đoạn cùng cố, chuyển đổi.

3. Thị trường xuất khẩu lao động của Việt Nam

Tính đến năm 2012, lao động xuất khẩu của Việt Nam đang làm việc tại trên 40 quốc gia và vùng lãnh thổ, trong đó có những nước, vùng lãnh thổ nhận số lượng lớn lao động Việt Nam như Đài Loan, Malaysia, Hàn Quốc.

Thị trường Đài Loan: Tính đến năm 2011, Việt Nam đưa được 247.514 lao động đi làm việc tại Đài Loan, tập trung chủ yếu ở nhóm ngành công nghiệp và giúp việc gia đình - khán hộ công. Trước năm 2005, thị trường này xảy ra tình trạng lao động giúp việc gia đình - khán hộ công bỏ hợp đồng ra ngoài làm việc và Đài Loan đã tạm dừng nhận lao động trong nhóm ngành này. Trước tình hình trên, các doanh nghiệp xuất khẩu lao động đã tăng cường tìm kiếm các hợp đồng đưa lao động sang làm việc trong nhóm ngành công nghiệp. Trong giai đoạn 2006-2011, trung bình mỗi năm có 25.000 30.000 lao động Việt Nam được đưa sang làm việc tại thị trường này. Tổng số lao động Việt Nam hiện đang làm việc tại Đài Loan ước tính khoảng 90.000 người.

Thị trường Malaysia: Là một thị trường nhập khẩu lao động lớn từ nhiều quốc

gia, Malaysia không đòi hỏi cao về chất lượng lao động. Bên cạnh đó, chi phí trước khi đi khá thấp trong tương quan với một số thị trường khác nên phù hợp với lao động phổ thông ở khu vực nông thôn. Kể từ năm 2002, lao động Việt Nam bắt đầu được đưa sang làm việc tại Malaysia theo thỏa thuận giữa hai Chính phủ và trong giai đoạn 2002-2011, đã có 184.615 lao động làm việc ở thị trường này. Tính đến đầu năm 2012, ước khoảng 88.000 lao động Việt Nam hiện đang làm việc tại Malaysia.

Thị trường Hàn Quốc: Tính đến đầu năm 2012, hiện có khoảng 60.000 lao động Việt Nam làm việc tại Hàn Quốc, chủ yếu trong các nhà máy công nghiệp (khoảng 87%), số còn lại làm việc trong các ngành nông nghiệp, xây dựng và thủy sản. Người lao động làm việc tại Hàn Quốc có điều kiện sinh hoạt khá tốt, việc làm ổn định và thu nhập cao, bình quân khoảng hơn 1.300 USD/tháng⁶.

Thị trường Nhật Bản: Thực tập sinh kỹ năng tại Nhật Bản có điều kiện sinh hoạt và làm việc tốt. Thu nhập bình quân khoảng 1.300USD/tháng. Hiện nay, ta có khoảng hơn 18.000 thực tập sinh ở Nhật Bản, hàng năm gửi về nước khoảng hơn 300 triệu USD⁷.

⁶ Ban Quản lý Lao động Việt Nam tại Hàn Quốc (2011), *Báo cáo công tác năm (2011)*, Hàn Quốc.

⁷ Ban Quản lý lao động Việt Nam tại Nhật Bản (2011), *Báo cáo công tác năm (2011)*, Nhật Bản.

Thị trường Nga và các nước SNG: Đây là thị trường truyền thống của lao động xuất khẩu Việt Nam. Trong những năm gần đây, Việt Nam tăng cường khai thác thị trường Nga và các quốc gia SNG như Belarus, Ucraina, các quốc gia vùng Ban tích. Lao động Việt Nam ở các thị trường này tập trung trong các lĩnh vực xây dựng, sản xuất chế tạo (lắp ráp điện tử, sản xuất ô tô,...) và may mặc.

Thị trường các nước châu Âu khác: Từ cuối năm 2006 đến 2011, Việt Nam đã đưa được khoảng 2.000 lao động có nghề sang làm việc tại Cộng hòa Séc trong các nghề cơ khí, điện tử, may mặc, công việc ổn định và có thu nhập tốt, bình quân khoảng 500USD/tháng. Tuy nhiên, năm 2008, thủ tục xin visa lao động tại Đại sứ quán Cộng hòa Séc ở Hà Nội rất khó khăn, nên các doanh nghiệp dừng tuyển lao động cho thị trường này. Những năm gần đây, các doanh nghiệp thực hiện nhiều biện pháp nỗ lực nhằm mở rộng thị trường xuất khẩu lao động sang các quốc gia châu Âu như Phần Lan, Thụy Điển, Slovakia, Bungaria, Rumania, Ba Lan,...nhưng một mặt, việc làm visa vào các nước Schengen rất khó khăn, mặt khác, do kinh tế châu Âu đang đối mặt với khủng hoảng, nên kết quả xuất khẩu lao động vào thị trường châu Âu rất hạn chế.

4. Một vài đánh giá

* Kết quả đạt được

- **Góp phần giải quyết việc làm:** Trong giai đoạn 2000-2011, đã có 824.568 người được đưa đi làm việc ở nước ngoài. Tính trung bình mỗi năm hơn 68.700 người được giải quyết việc làm nhờ thông qua các hình thức xuất khẩu lao động.

- **Tạo nguồn thu nhập ổn định, góp phần xóa đói giảm nghèo, đảm bảo an sinh xã hội:** Mặc dù có sự khác biệt về thu nhập tùy thuộc vào ngành nghề ở từng thị trường nhất định, nhưng nhìn chung, thu nhập của lao động xuất khẩu cao hơn so với mức thu nhập bình quân đầu người ở Việt Nam. (Thu nhập của lao động xuất khẩu Việt Nam ở Trung Đông đạt khoảng 400-500 USD/tháng, tại Đài Loan là 800 USD/tháng, tại Hàn Quốc là 1.000-1.800 USD/tháng, tại Nhật Bản là 1.000-1.700 USD/tháng...). Phần tích lũy mà các lao động gửi về Việt Nam một mặt đã trực tiếp giảm nghèo cho một bộ phận gia đình, nhất là các gia đình ở khu vực miền núi, nông thôn, mặt khác, đã có tác động lan tỏa, gián tiếp tạo những cơ hội vươn lên cho những thành viên khác trong gia đình có người đi xuất khẩu lao động, góp phần đảm bảo an sinh xã hội.

- **Xuất khẩu lao động mang lại nguồn ngoại tệ khá lớn:** Số tiền các lao động xuất khẩu gửi về Việt Nam trung bình đạt khoảng 1,7 tỉ USD/năm trong giai đoạn 2000-2011. (Năm 2000, đã có 1,25 tỉ USD được chuyển về Việt Nam từ xuất khẩu lao động, năm

2003 là 1,5 tỉ USD, năm 2006 là 1,7 tỉ USD, năm 2009 là 1,9 tỉ USD, năm 2010 và 2011 đã đạt tới 2,0 tỉ USD). Tổng số tiền chuyển về nước của lao động Việt Nam trong giai đoạn 2000-2011 đạt 20 tỉ USD⁸.

- Góp phần phát triển nguồn nhân lực:

Kể cả lao động có nghề và lao động phổ thông sau khi về nước đều có trình độ, kỹ năng, tác phong, kỷ luật lao động tốt hơn so với trước khi đi lao động ở nước ngoài. Riêng với lao động phổ thông, do chủ yếu xuất thân từ nông thôn, chưa được làm quen với môi trường làm việc hiện đại, tác phong công nghiệp, do vậy, thông qua môi trường làm việc ở các quốc gia có trình độ phát triển cao, những người lao động này đã có được một trình độ tay nghề nhất định, đặc biệt quan trọng là được rèn luyện tác phong làm việc, tác phong sinh hoạt chuyên nghiệp, khả năng làm việc với cường độ cao. Nhờ đó, khi trở về nước họ sẽ trở thành bộ phận nhân lực có giá trị trong sự nghiệp công nghiệp hóa và hiện đại hóa đất nước.

- Thúc đẩy quan hệ hợp tác giữa Việt

Nam với các nước: Thông qua chính những người lao động xuất khẩu, văn hóa và những giá trị tốt đẹp của Việt Nam được quảng bá ở các quốc gia mà họ làm việc. Những phẩm chất vốn có của lao động Việt Nam như cần cù, sáng tạo, không ngại vất vả... được phát

huy ở môi trường lao động mới, để lại những hình ảnh và ấn tượng tốt đẹp với bạn bè quốc tế. Hình thức “ngoại giao nhân dân” thông qua lực lượng lao động xuất khẩu có tác động trực tiếp, góp phần thúc đẩy quan hệ hợp tác giữa Việt Nam với nhiều quốc gia và vùng lãnh thổ trên thế giới.

** Những hạn chế*

- Lao động phổ thông chiếm tỉ lệ cao trong số lao động xuất khẩu

Mặc dù đã có sự thay đổi nhanh về cơ cấu và trình độ nghề nghiệp nhưng tỉ trọng lao động phổ thông trong tổng số lao động xuất khẩu vẫn rất cao. Giai đoạn 2000 đến 2005, lao động xuất khẩu của Việt Nam hầu hết là lao động phổ thông. Trong những năm gần đây, số lượng và tỉ trọng lao động đã qua đào tạo tăng lên, nhưng lao động phổ thông vẫn chiếm trên dưới 60%. Tính chung cả giai đoạn 2000-2011, lao động phổ thông chiếm đến 69%.

Lao động Việt Nam chủ yếu làm trong các ngành nặng nhọc, đòi hỏi nhiều sức lực và thời gian như xây dựng, đánh cá, giúp việc gia đình, khản hộ (tương tự như hộ lý bệnh viện). Các ngành nghề đòi hỏi trình độ tay nghề cao, lao động Việt Nam còn chiếm tỉ trọng ít.

Lao động xuất khẩu không được định hướng và đào tạo một cách bài bản, chủ yếu là lực lượng sẵn có trên thị trường, do đó, chất lượng lao động xuất khẩu thấp, khó tìm kiếm những công việc đòi hỏi chuyên môn cao, thu

⁸ Số liệu thống kê - Cục Quản lý lao động Ngoại nước, Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội.

nhập của người lao động thấp, sức cạnh tranh yếu, tính bền vững trong xuất khẩu lao động bị đe dọa.

- Doanh nghiệp xuất khẩu có số lượng lớn, nhiều doanh nghiệp hoạt động không hiệu quả

Với khoảng 30% số doanh nghiệp xuất khẩu lao động hoạt động có hiệu quả đã ảnh hưởng trực tiếp đến tính bền vững của hoạt động xuất khẩu lao động. Ngay cả những doanh nghiệp được xem là hoạt động hiệu quả cũng gặp rất nhiều khó khăn trong việc tìm kiếm và mở rộng thị trường cũng như chuẩn bị lực lượng lao động xuất khẩu đảm bảo chất lượng.

Các doanh nghiệp xuất khẩu lao động nhận được sự hỗ trợ mang tính ngắn hạn, hỗ trợ rủi ro, khắc phục hậu quả, thiếu những hỗ trợ mang tính khuyến khích cho doanh nghiệp đầu tư dài hạn, chuẩn bị nguồn lao động có năng lực cạnh tranh trên thị trường toàn cầu. Các doanh nghiệp xuất khẩu lao động cũng không chịu áp lực bị ngừng hoạt động khi vi phạm hành chính hoặc hoạt động không hiệu quả. Các mức phạt khi doanh nghiệp vi phạm cũng chưa đủ sức răn đe, do đó nhiều đơn vị yếu kém vẫn tồn tại.

Do số lượng lớn và thiếu những chính sách hỗ trợ nên các doanh nghiệp gặp khó khăn trong tìm kiếm hợp đồng, củng cố thị trường truyền thống và phát triển thị trường mới. Thay

vì xây dựng chiến lược xuất khẩu lao động, Việt Nam chỉ có kế hoạch xuất khẩu lao động hàng năm, do đó doanh nghiệp rất khó xác định định hướng lâu dài cho hoạt động của mình và thường rất bị động trong việc tìm kiếm nguồn lao động xuất khẩu có chất lượng nhằm đảm bảo yêu cầu của đối tác.

- Thị trường xuất khẩu lao động chưa đạt được kỳ vọng

Thị trường xuất khẩu liên tục được mở rộng nhưng hiện vẫn tập trung vào một số thị trường chính như Đài Loan, Malaysia, Hàn Quốc. Không có sự đột biến về số lượng thị trường xuất khẩu cũng như tỉ trọng lao động xuất khẩu đến các thị trường trong khoảng 10 năm trở lại đây. Nhiều thị trường có thu nhập cao như Hoa Kỳ, Australia, Canada... nhưng lao động Việt Nam chưa tiếp cận được do những đòi hỏi khắt khe về trình độ chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp, ngoại ngữ và các điều kiện nhập cảnh.

Hàng năm, Việt Nam thực hiện thí điểm đưa lao động đi một số thị trường mới nhưng do nhiều yếu tố khó duy trì và mở rộng. Một số thị trường truyền thống như Hàn Quốc, Nga... đang có xu hướng cắt giảm nhập khẩu lao động từ Việt Nam do tình trạng bỏ trốn của người lao động và tác động của suy thoái kinh tế.

5. Một số giải pháp thúc đẩy xuất khẩu lao động

Đề xuất khẩu lao động đóng góp nhiều

hơn nữa trong tăng trưởng kinh tế, đảm bảo an sinh xã hội, tạo việc làm và thu nhập cho người lao động, trong thời gian tới, cần ưu tiên thực hiện một số nội dung sau:

- *Sớm xây dựng và hoàn thiện chiến lược xuất khẩu lao động.* Chiến lược xuất khẩu lao động nhằm xác định mục tiêu về qui mô, lượng cầu lao động, thu nhập của người lao động, xác định biện pháp phát triển các thị trường tiềm năng, các thị trường mục tiêu; cơ chế phối hợp giữa các cơ quan nhà nước để triển khai thực hiện chiến lược, định hướng, phân bổ nguồn lực để đạt được mục tiêu đã lựa chọn.

Hoạch định chiến lược giúp cho các doanh nghiệp xuất khẩu lao động có phương hướng để xây dựng các kế hoạch hoạt động trong ngắn hạn và dài hạn, yên tâm đầu tư vào những khâu trong chu trình xuất khẩu lao động.

Xây dựng hệ thống đào tạo nghề phục vụ cho chiến lược xuất khẩu lao động, đảm bảo đến năm 2020, tỉ lệ lao động xuất khẩu có nghề đạt 70%, khắc phục tình trạng tuyển lao động theo đơn đặt hàng như hiện nay, vừa bị động, vừa không đảm bảo chất lượng lao động.

- *Cơ cấu lại hệ thống doanh nghiệp xuất khẩu lao động:* Cơ cấu lại hệ thống các doanh nghiệp trong lĩnh vực này theo hướng tinh gọn, chuyên sâu; Nâng cao mức phạt vi

phạm hành chính trong xuất khẩu lao động đối với các doanh nghiệp vi phạm; Cần xây dựng hệ thống đánh giá chất lượng, công bố thông tin đối với các doanh nghiệp xuất khẩu lao động để người lao động và đối tác nước ngoài tham khảo. Loại bỏ những doanh nghiệp không đủ năng lực, không đáp ứng được yêu cầu và tiêu chí đặt ra.

Thực hiện các biện pháp hỗ trợ, khuyến khích để các doanh nghiệp xuất khẩu lao động đầu tư chiều sâu, chuẩn bị nguồn nhân lực chất lượng cao, có năng lực cạnh tranh cho xuất khẩu, đồng thời, hỗ trợ các doanh nghiệp này tìm kiếm thị trường mới, củng cố thị trường hiện có.

- *Hỗ trợ đối với lao động xuất khẩu:* Hỗ trợ vay vốn đối với lao động xuất khẩu qua kênh của Ngân hàng Chính sách xã hội và Quỹ Hỗ trợ việc làm ngoài nước.

Hỗ trợ học nghề và trau dồi các kỹ năng kèm theo các phương pháp đánh giá chất lượng đối với ứng viên lao động xuất khẩu, từng bước nâng cao chất lượng lực lượng này. Ưu tiên đối với những ứng viên đạt kết quả cao trong đào tạo nghề và các tiêu chí khác đề ra (kỹ năng nghề nghiệp, ngoại ngữ...).

Cung cấp và phổ biến thông tin thị trường đầy đủ, kịp thời tới mọi đối tượng có nhu cầu tham gia xuất khẩu lao động, tránh tình trạng thông tin méo mó, bất cân xứng,

dẫn đến tình trạng một số lao động bị lừa như hiện nay.

Thực hiện các biện pháp đối với nhóm lao động xuất khẩu đã hoàn thành hợp đồng, giúp họ trở về nước, tái hòa nhập cộng đồng, để họ phát huy được kinh nghiệm, kỹ năng, tác phong làm việc và tài sản đã tích lũy được trong quá trình làm việc ở nước ngoài.

- Củng cố và mở rộng thị trường xuất khẩu lao động: Cả Nhà nước và doanh nghiệp xuất khẩu lao động cần thực hiện đồng bộ các biện pháp nhằm: Tiếp tục khai thác hiệu quả một số thị trường trọng điểm như Nhật Bản, Hàn Quốc, Đài Loan Malaysia, Lào, Libya, UAE và Ảrập Xêút; Mở rộng một số thị trường trong khu vực Đông Nam Á như: Singapore và Brunei; Củng cố các thị trường truyền thống như Liên bang Nga và các nước SNG, Ba Lan, Bungari. Gia tăng quy mô đưa chuyên gia nông nghiệp sang các nước châu Phi. Thí điểm và mở rộng quy mô xuất khẩu lao động sang thị trường châu Âu, Hoa Kỳ...

- Hoàn thiện tổ chức bộ máy quản lý nhà nước đối với xuất khẩu lao động: Cùng cổ tổ chức, bộ máy nhằm nâng cao hiệu lực và hiệu quả hoạt động của bộ máy quản lý nhà nước đối với xuất khẩu lao động. Trước mắt, cần thành lập Trung tâm Thông tin và Dự báo thị trường lao động xuất khẩu trên cơ sở phát triển từ Phòng Thông tin tuyên truyền của Cục Quản lý lao động Ngoài nước. Thành lập Phòng Pháp chế để nghiên cứu hoàn thiện cơ chế, chính sách quản lý nhà nước đối với xuất khẩu lao động, chính sách tiếp nhận lao động của các nước để đàm phán, ký hiệp định, thỏa thuận hoặc bản ghi nhớ về cung ứng và tiếp nhận lao động; nghiên cứu chính sách của các quốc gia để phục vụ cho công tác bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người lao động Việt Nam, đồng thời xử lý các vụ việc liên quan đến tranh chấp lao động, các vụ kiện quốc tế.

Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra hoạt động xuất khẩu lao động của các doanh nghiệp, có biện pháp xử lý kiên quyết đối với những doanh nghiệp có hành vi vi phạm quy định.